|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ XÂY DỰNG** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-BXD |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**Dự thảo**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố hướng dẫn thu thập thông tin có liên quan đến giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình xây dựng phục vụ việc công bố giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

*Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng và Viện trưởng Viện Kinh tế xây dựng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hướng dẫn thu thập thông tin có liên quan đến giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình xây dựng phục vụ việc công bố giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo khi thực hiện công tác công bố giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình theo quy định của Nghị định số [10/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/nghi-dinh-10-2021-nd-cp-quan-ly-chi-phi-dau-tu-xay-dung-465104.aspx" \o "Nghị định 10/2021/NĐ-CP" \t "_blank) ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Quốc hội;  - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Chính phủ;  - Cơ quan TW của các đoàn thể;  - Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc CP;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Các Sở Xây dựng, các Sở có công trình xây dựng chuyên ngành;  - Website của Bộ Xây dựng;  - Các Cục, Vụ thuộc BXD;  - Lưu: VT, Cục KTXD, Viện KTXD | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Bùi Hồng Minh** |

Phụ lục kèm theo ......... số ..../QĐ-BXD ngày .../.../2024 của

Bộ trưởng Bộ Xây dựng

**-------------**

**HƯỚNG DẪN THU THẬP THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG PHỤC VỤ VIỆC CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH**

**I. Mục đích, yêu cầu trong việc thu thập thông tin có liên quan đến giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình xây dựng.**

1. Mục đích

Hướng dẫn thu thập tông tin có liên quan đến giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình xây dựng tại Văn bản này để các Sở xây dựng tham khảo khi thực hiện công tác công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Yêu cầu

a) Việc thu thập thông tin có liên quan đến giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình phải đảm bảo khách quan, đáp ứng kịp thời việc phục vụ công bố theo quy định.

b) Danh mục loại vật liệu xây dựng cần thu thập thông tin phải phù hợp với danh mục các loại vật liệu xây dựng trong hệ thống định mức dự toán xây dựng hiện hành và được kinh doanh phổ biến, sử dụng trên thị trường xây dựng tại địa phương.

Danh mục thiết bị công trình cần thu thập thông tin là các loại thiết bị phổ biến tại các loại công trình xây dựng và được kinh doanh phổ biến tại địa phương.

c) Thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình phải rõ nguồn gốc xuất xứ, chủng loại, quy cách kỹ thuật đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; và các thông tin khác về địa điểm cung cấp, giao nhận, khả năng cung ứng của đơn vị sản xuất, kinh doanh.

d) Thời điểm thu thập thông tin

- Sở Xây dựng lựa chọn thời điểm thu thập thông tin để đảm bảo mức giá công bố phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại địa phương. Đối với những loại vật liệu thường xuyên biến động giá trên thị trường, thu thập thông tin theo tháng. Những loại vật liệu ít biến động có thể thu thập thông tin theo quý.

- Khi có biến động bất thường đối với loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình cụ thể có thể điều tra bổ sung để xem xét công bố cho kịp thời, đảm bảo phản ánh đúng diễn biến của thị trường.

đ) Phải có đánh giá định kỳ hoặc đột xuất đối với nguồn thông tin, dữ liệu để đảm bảo độ hợp lý, chính xác của các thông tin thu thập được.

e) Trường hợp thuê các đơn vị tư vấn thu thập thông tin có liên quan đến giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình xây dựng phục vụ việc công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình thì phạm vi công việc của tư vấn gồm một hoặc các nội dung công việc sau:

- Tổ chức, khảo sát giá một số loại vật liệu, thiết bị công trình theo phương pháp thu thập thông tin trực tiếp như hướng dẫn tại văn bản;

- Tổng hợp, rà soát, xử lý các thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình do Sở Xây dựng cung cấp và thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trực tiếp thu thập để đề xuất mức giá làm cơ sở tham khảo trong quá trình công bố giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình;

- Khảo sát kiểm chứng các thông tin về giá trước khi được công bố (nếu cần thiết).

**II. Hướng dẫn thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình xây dựng để công bố.**

**1. Trình tự thực hiện**

Việc thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình để công bố được xác định theo các bước sau:

- Xây dựng danh mục các loại vật liệu, thiết bị công trình cần công bố giá làm cơ sở thu thập thông tin;

- Thực hiện thu thập thông tin liên quan đến giá vật liệu, thiết bị công trình;

- Rà soát, xử lý thông tin thu thập được;

- Công bố thông tin về giá các loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình theo quy định.

**2. Xây dựng danh mục các loại vật liệu và thiết bị công trình cần công bố giá**

a) Danh mục các loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình cần thực hiện công bố giá tại địa phương tham khảo tại *Bảng danh mục vật liệu xây dựng, thiết bị công trình cần thu thập thông tin về giá*. Trên cơ sở Danh mục nêu trên, Sở Xây dựng lựa chọn các loại vật liệu, thiết bị có kinh doanh, sử dụng trên thị trường địa phương để thu thập thông tin về giá.

Căn cứ tình hình thị trường và yêu cầu đầu tư xây dựng tại địa phương, Sở Xây dựng bổ sung thêm các loại vật liệu, thiết bị khác vào Danh mục.

b) Đối với những loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình được nhiều đơn vị sản xuất hoặc có nhiều quy cách khác nhau, Sở Xây dựng lựa chọn các loại có quy cách, nhãn mác được sử dụng phổ biến tại địa phương để ghi vào Danh mục.

**3. Thực hiện thu thập thông tin liên quan đến giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình xây dựng**

**3.1. Thu thập thông tin gián tiếp**

**3.1.1. Nguồn thông tin**

Thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình xây dựng được thu thập từ các nguồn sau:

- Thu thập thông tin tại cơ quan, đơn vị nhà nước: áp dụng đối với các loại vật liệu, thiết bị phải kê khai giá theo quy định (xi măng, thép,…) hoặc những loại vật liệu có quy định quản lý riêng về sử dụng, kinh doanh, không bán rộng rãi (như vật liệu nổ,…)

- Thông tin được thu thập từ phiếu cung cấp thông tin (báo giá) của các tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn (Thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 3.1.2).

- Thu thập từ trang tin điện tử của các nhà cung cấp có chức năng kinh doanh trực tuyến theo qu y định hoặc các nguồn thông tin tin cậy khác.

**3.1.2. Thu thập thông tin giá từ báo giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và thiết bị công trình**

a) Sở Xây dựng thông báo rộng rãi và hướng dẫn các đơn vị sản xuất, kinh doanh, cơ sở phân phối vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh/thành phố (sau đây gọi tắt là tổ chức SXKD) cung cấp báo giá các loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình của tỉnh, thành phố.

b) Yêu cầu đối với thu thập thông tin từ báo giá

- Tổ chức SXKD vật liệu xây dựng cung cấp báo giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình phải có địa điểm cụ thể, kinh doanh có uy tín, thông tin liên hệ rõ ràng của nhà máy sản xuất, trụ sở chính, cơ sở kinh doanh;

- Các loại vật liệu, thiết bị công trình cung cấp thông tin để công bố phải đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành;

- Bản cung cấp thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình cần rõ các thông tin như: địa điểm bán hàng, giao nhận hàng, thương hiệu, nhãn mác, thông tin về quy cách (kích thước, trọng lượng, thông số kỹ thuật…), thông tin về xuất xứ (nguồn gốc, cơ sở sản xuất…); thông tin điều kiện bán hàng theo giá công bố (giá chung trên toàn khu vực hay giá bán tại địa điểm cụ thể; bao gồm chi phí bốc dỡ, vận chuyển chưa…), giá bán (chưa bao gồm VAT, khuyến mại) và các thông tin khác liên quan để phân biệt mức giá (nếu cần thiết).

- Bản cung cấp thông tin về giá cần nêu rõ dự kiến thời gian có hiệu lực của mức giá. Trường hợp có sự thay đổi về giá và phương thức bán hàng thì doanh nghiệp phải có văn bản gửi Sở Xây dựng để kịp thời cập nhật. (Bảng cung cấp thông tin về giá tại Biểu mẫu 2 “Mẫu văn bản cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình”.

- Trường hợp tổ chức có chính sách khuyến mại, giảm giá hay chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng thì ghi rõ trong Bản cung cấp thông tin tên đối tượng, khách hàng hoặc nhóm đối tượng khách hàng và mức khuyến mại, giảm giá hay chiết khấu.

c) Hình thức cung cấp thông tin báo giá

Tổ chức SXKD vật liệu xây dựng thực hiện cung cấp thông tin gửi Sở Xây dựng theo một trong các hình thức sau:

- Gửi văn bản trực tiếp đến Sở xây dựng;

- Gửi qua thư điện tử kèm chữ ký điện tử.

d) Sở Xây dựng định kỳ hoặc đột xuất đánh giá việc cung cấp thông tin của tổ chức SXKD cung cấp thông tin về tính chính xác các thông tin cung cấp thông qua phản ánh từ thị trường hoặc khảo sát trực tiếp. Trường hợp phát hiện có sự không nghiêm túc trong việc cung cấp thông tin cần loại bỏ khỏi danh sách cung cấp thông tin công bố.

**3.2. Thu thập thông tin trực tiếp**

3.2.1. Phạm vi sử dụng phương pháp

Là phương pháp người thực hiện thu thập thông tin phải trực tiếp khảo sát tại các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình xây dựng để thu thập, ghi chép thông tin liên quan đến giá các loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình xây dựng.

Phương pháp này sử dụng khi khảo sát thu thập thông tin về giá đối với một số loại vật liệu chủ yếu (như cát, đá, đất đắp,…) có sự biến động lớn, hoặc phục vụ mục đích kiểm chứng đối với những thông tin thu thập được không phản ánh đúng thực tế thị trường.

3.2.2 Điểm khảo sát, thu thập thông tin

a) Điểm khảo sát, thu thập thông tin bao gồm: tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình có địa điểm kinh doanh ổn định, có uy tín thuộc các thành phần kinh tế, nằm trong các khu vực khảo sát đã được chọn.

b) Nguyên tắc, yêu cầu lựa chọn điểm khảo sát, thu thập thông tin:

- Chọn những điểm có hoạt động kinh doanh thường xuyên, tương đối ổn định.

- Đối với cùng một mặt hàng (có cùng nhãn mác, tiêu chuẩn kỹ thuật) có nhiều đơn vị cung ứng, việc khảo sát, thu thập các mức giá phải được thực hiện ít nhất tại 03 điểm cho mỗi một loại. Trường hợp trong khu vực khảo sát, một số loại vật liệu, thiết bị không thu thập đủ tại 03 điểm, thì phải nêu rõ lý do, những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện khảo sát, khả năng sử dụng giá đó để công bố.

- Đối với những loại vật liệu xây dựng thô, rời khai thác tại mỏ (cát, đá, đất…), thu thập mức giá tại các cơ sở khai thác, sản xuất hoặc các bãi tập kết vật liệu, hệ thống các đơn vị kinh doanh.

- Có thể thu thập thông tin về giá của nhiều loại vật liệu, thiết bị trong danh mục tại 01 điểm nếu điểm đó đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin.

3.2.3. Khảo sát, thu thập thông tin

a) Phương pháp khảo sát, thu thập thông tin: người được giao khảo sát trực tiếp đến điểm thu thập thông tin để khảo sát, thu thập thông tin. Mẫu phiếu khảo sát tại *Biểu mẫu 1 “Phiếu khảo sát giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình”*

b) Một số yêu cầu khi khảo sát, thu thập thông tin:

- Yêu cầu đối với thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình xây dựng khi thực hiện khảo sát, thu thập thông tin thực hiện như hướng dẫn tại điểm b mục 3.1.2.

- Đối với một số loại vật liệu, thiết bị mà địa điểm sản xuất, kinh doanh chỉ có ở một số khu vực nhất định, có thể thu thập thêm các mức giá của loại vật liệu, thiết bị đó tại vị trí giao nhận thuộc các khu vực khác của tỉnh, thành phố. Trong Phiếu khảo sát cần ghi chú rõ mức giá gắn với vị trí giao nhận trên địa bàn.

**4. Rà soát, xử lý, thông tin về giá**

Thông tin về giá được thu thập được từ báo giá hoặc khảo sát giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình được rà soát, xử lý đảm bảo những nội dung sau:

4.1. Rà soát các thông tin:

a) Giá thu thập hoặc khảo sát được là giá thị trường hoặc giá công bố để giao dịch của cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh phổ biến (chưa có VAT), không bao gồm các khuyến mại (nếu có), phù hợp với đơn vị tính;

b) Đơn vị tính giá của các loại hàng hoá phải đúng với quy định trong Danh mục đã lựa chọn;

c) Các thông tin trong phiếu khảo sát, báo giá đủ để phân biệt loại hàng hóa; mức giá gắn với xuất xứ, đặc điểm, quy cách kỹ thuật của loại hàng hóa, địa điểm, phương thức giao hàng và các yêu cầu khác theo hướng dẫn.

4.2. Xử lý các thông tin:

a) Loại bỏ những thông tin thu thập hoặc khảo sát có giá trị bất thường so với khoảng giá bình quân thị trường của loại vật liệu thu thập được.

b) Xử lý một số trường hợp bất thường xảy ra (như chênh lệch giá lớn giữa các phiếu, báo giá đối với cùng một loại vật liệu, thiết bị…). Trường hợp cùng một loại vật liệu, thiết bị có sự khác nhau quá lớn về giá trị giữa các nguồn cung cấp thông tin khác nhau cần phải tổ chức kiểm tra lại thông tin. Hình thức kiểm tra có thể thực hiện: gọi điện kiểm tra lại thông tin, so sánh với các nguồn thông tin tin cậy khác,….

**5. Công bố thông tin về giá vật liệu xây dựng và thiết bị công trình xây dựng**

5.1. Thông tin về mức giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình để công bố:

- Thông tin về mức giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình xem xét để công bố là giá sau khi đã được rà soát, xử lý để đảm bảo tính hợp lý.

- Trường hợp cùng một loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình (có cùng nhãn mác, xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện bán hàng) có thông tin về giá từ nhiều nguồn thông tin, mức giá công bố là giá trung bình cộng từ các nguồn thông tin.

5.2 Thông tin về mức giá trước khi công bố cần được xem xét sự phù hợp với thực tế thị trường thông qua đánh giá mức độ biến động giá với xu hướng biến động của thị trường. Đối với những loại vật liệu, thiết bị đã được các địa phương lân cận công bố giá cần rà soát, đánh giá nguyên nhân về sự chênh lệch (nếu có). Trường hợp cần thiết phải có các giải pháp đánh giá, xác minh lại thông tin trước khi công bố.

5.3. Thông tin công bố kèm theo mức giá vật liệu, thiết bị công trình bao gồm: nhãn mác, quy cách kỹ thuật, nguồn gốc, xuất xứ (đối với vật liệu, thiết bị ngoại nhập), địa điểm giao hàng (với trường hợp giá không phải giá bình quân đến công trình), … và các yêu cầu khác theo quy định.

5.4. Mẫu công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

**Bảng danh mục vật liệu xây dựng và thiết bị công trình cần thu thập thông tin về giá**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm/Loại vật liệu xây dựng** | **Đơn vị tính** |
| **I** | **Nhóm vật liệu khai thác tự nhiên** |  |
| 1 | Cát xây dựng các loại | m3 |
| 2 | Đá xây dựng các loại | m3 |
| 3 | Đất đắp các loại | m3 |
|  | … |  |
| **II** | **Xi măng** |  |
| 1 | Xi măng PC 30 | tấn |
| 2 | Xi măng PC 40 | tấn |
| 3 | Xi măng trắng | tấn |
|  | … |  |
| **III** | **Thép xây dựng** |  |
| 1 | Thép tròn các loại | Tấn |
| 2 | Thép hình, thép tấm các loại | Tấn |
| 3 | … |  |
| **IV** | **Gạch, đá ốp, lát** |  |
| 1 | Gạch ốp, lát các loại | viên/m2 |
| 2 | Đá ốp, lát các loại | viên/m2 |
|  | ... |  |
| **V** | **Tấm lợp** |  |
| 1 | Tấm lợp tôn các loại | tấm/m2 |
| 2 | Tấm lợp nhựa các loại | tấm/m2 |
| 3 | Ngói các loại | viên/m2 |
|  | ... |  |
| **VI** | **Gạch xây** |  |
| 1 | Gạch thẻ các loại | Viên |
| 2 | Gạch lỗ các loại | Viên |
| 3 | Gạch ACC các loại | Viên |
|  | ... |  |
| **VII** | **Gỗ xây dựng** |  |
| 1 | Gỗ cốp pha | m3 |
| 2 | Gỗ, tấm gỗ lát sàn, … | m2/md |
|  | ... |  |
| **VIII** | **Vật liệu hoàn thiện** |  |
| 1 | Sơn (tường, trần, cột) các loại | kg |
| 2 | Bột bả, bột màu các loại | kg |
| 3 | Cửa gỗ các loại | m2 |
| 4 | Cửa nhựa lõi thép các loại | m2 |
| 5 | Kính các loại | m2 |
| 4 | Tấm vách các loại | m2 |
|  | … |  |
| **IX** | **Vật liệu điện dân dụng** |  |
| 1 | Dây dẫn điện các loại | m |
| 2 | Cáp điện các loại | m |
| 3 | Công tắc các loại | cái/chiếc |
| 4 | Aptomat các loại | cái/chiếc |
| 5 | Cầu dao các loại | cái/chiếc |
| 6 | Cầu chì các loại | cái/chiếc |
| 7 | Đèn chiếu sáng các loại | cái/chiếc |
| 8 | Cột đèn | cột |
|  | … |  |
| **X** | **Vật liệu nước, vệ sinh** |  |
| 1 | Ống nhựa, ống thép các loại | md |
| 2 | Côn, cút nhựa, thép các loại | cái |
| 3 | Măng sông nhựa, thép các loại | cái |
| 4 | Tê nhựa, thép các loại | cái |
| 5 | BU, BE nhựa, thép các loại | cái |
| 6 | Bích nhựa, thép các loại | cái |
| 7 | Chậu rửa các loại | cái |
| 8 | Vòi rửa các loại | cái |
| 9 | Chậu tiểu nam các loại | cái |
| 10 | Xí bệt các loại | cái |
|  | … |  |
| **XI** | **Vữa, bê tông** |  |
| 1 | Bê tông thương phẩm các loại | m3 |
| 2 | Vữa khô, đóng bao các loại | kg |
|  | ….. |  |
| **XII** | **Cấu kiện bê tông đúc sẵn** |  |
| 1 | Ống cống, cống hộp các loại | md |
| 2 | Cột, cọc bê tông các loại | Cọc/md |
| 3 | Tấm bê tông, nắp hố ga các loại | cái |
| 4 | Dầm bê tông cốt thép các loại | phiến dầm |
| 5 | Panen các loại | Tấm |
|  | … |  |
| **XIII** | **Cấu kiện thép** |  |
| 1 | Dầm thép | tấn |
| 2 | Dàn thép | tấn |
| 3 | Cọc ống thép các loại | md |
| 4 | Cọc thép hình U, I, ... các loại | md |
| 5 | Cọc ván thép, cọc cừ thép các loại | md |
| 6 | Xà gồ thép các loại | tấn |
| 7 | Vì kèo thép các loại | tấn |
|  | … |  |
| **XIV** | **Vật liệu chuyên ngành giao thông** |  |
| 1 | Nhựa đường, nhựa nhũ tương, nhựa polome | tấn |
| 2 | Bê tông nhựa các loại | tấn |
| 3 | Sơn đường các loại. | kg |
| 4 | Biển báo các loại | cái |
| 5 | Hộ lan, lan can các loại | md |
| 6 | Cọc tiêu các loại | cọc |
| 7 | Viên phản quang | viên |
| 8 | Màng phản quang | m2 |
| 9 | Tà vẹt các loại | Cái/chiếc |
|  | **…** |  |
| **XV** | **Vật liệu chuyên ngành điện** |  |
| 1 | Cáp cao thế | md |
| 2 | Cáp hạ thế | md |
| 3 | Vỏ tủ điện | cái |
|  | … |  |
| **XVI** | **Vật liệu đặc thù** |  |
| 1 | Thuốc nổ các loại | kg |
| 2 | Kíp nổ | Kíp |
| 3 | Dây nổ | md |
|  | … |  |
| **XVII** | **Vật liệu khác** |  |
| 1 | Đất đèn | kg |
| 2 | Ô xy | Kg/lit |
| 3 | Mũi khoan | Cái/chiếc |
| 4 | Răng gầu | Cái/chiếc |
|  | … |  |
| **XVIII** | **Thiết bị công trình** |  |
| 1 | Điều hòa nhiệt độ | cái |
| 2 | Máy bơm | cái |
| 3 | Máy biến áp | cái |
| 4 | Bình nóng lạnh | cái |
| 5 | Quạt các loại | cái |
|  | … |  |

**Các biểu mẫu thu thập, cung cấp thông tin giá các loại vật liệu xây dựng và thiết bị công trình xây dựng phục vụ công bố**

**Biểu mẫu 1. PHIẾU KHẢO SÁT GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH**

1. Tỉnh/thành phố:…………………………………………………………….

2. Khu vực khảo sát: ………………………………………………………….

3. Kỳ khảo sát: …………………………………………………………………

4. Thông tin địa điểm khảo sát, thập thông tin:

Tên doanh nghiệp /cửa hàng:…………………………………………….

Địa chỉ:………………………………………………………………….

Số điện thoại:……………………………………………………………

5. Thông tin loại vật liệu, thiết bị và dữ liệu thu thập được:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Mã số | Tên loại vật liệu, thiết bị công trình | Quy cách, xuất xứ, thông số kỹ thuật | Đơn vị tính | Thời điểm áp dụng giá bán hiện tại | Điều khoản giao hàng | Khối lượng cung ứng  (nếu có) | Giá bán (chưa có VAT)  (Đơn vị tính …..) | Ghi chú |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Người cung cấp thông tin  (Ký, ghi rõ họ tên)  Số điện thoại:………………….. | Người thực hiện khảo sát  (Ký, ghi rõ họ tên) |

**Chú thích:**

- Loại vật liệu, thiết bị khi thu thập phải đồng nhất về tên gọi, đặc điểm kỹ thuật, đơn vị tính để đảm bảo khả năng so sánh được giữa các kỳ thu thập thông tin.

- Cột 2: Ghi mã số loại vật liệu, thiết bị nếu có.

- Cột 3, 4, 5: Ghi đồng nhất với Danh mục khảo sát đã được thống nhất

- Cột 6: Ghi rõ thời điểm thay đổi sang giá bán tại thời điểm khảo sát.

- Cột 7: Ghi rõ hàng được bán trên phương tiện bên mua hay được vận chuyển đến nơi bán. Nếu có đơn giá giá vận chuyển cụ thể hoặc giá bán gắn với địa điểm cụ thể thì ghi rõ tại Cột 10.

- Cột 8: Khối lượng cung ứng tối đa (nếu có)

- Cột 9: Ghi rõ giá bán là giá giao dịch của tổ chức, cá nhân.

- Cột 10: Ghi các nội dung khác làm rõ về điều kiện bán hàng, ….

**Biểu mẫu 2. Mẫu văn bản cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị**  **Cung cấp thông tin**  Số: ........ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**    *.........., ngày tháng năm .....* |

V/v: Cung cấp thông tin phục vụ

công bố giá vật liệu xây dựng,

thiết bị công trình của tỉnh

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh/thành phố.....

Công ty ...... gửi thông tin mức giá bán một số loại sản phẩm kèm theo văn bản này phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình xây dựng định kỳ của tỉnh/thành phố.

**I. Thông tin chung về doanh nghiệp**

1. Tên doanh nghiệp:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại:

4. Email:...

**II. Thời điểm mức giá có hiệu lực:**

**III. Cam kết của doanh nghiệp**

1. Các sản phẩm, hàng hóa công bố thông tin đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành;

2. Mức giá thông báo là giá đảm bảo thực hiện giao dịch của doanh nghiệp (thực tế doanh nghiệp đang bán);

3. Nếu có sự thay đổi về giá, phương thức bán hàng và các thông tin khác trong thời gian báo giá có hiệu lực, doanh nghiệp sẽ thông báo kịp thời tới Sở Xây dựng để cập nhật.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu: | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN**

*(Kèm theo công văn số.........ngày.......tháng.......năm........của.........)*

1/ Mức giá các loại vật liệu, thiết bị:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình | Quy cách, chất lượng | Đơn vị  tính | Mức giá  (Giá chưa bao gồm VAT) | Dự kiến thời gian hiệu lực  (ngày) | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

2/ Các thông tin thêm về điều kiện bán hàng (hình thức thanh toán, giao hàng, chiết khấu, vận chuyển):

…………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………….